

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ- ST

Ngày 03/10/2019

V/v “*Kiên ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Kim Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Thoại

Ông Lục Văn Văn

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nhâm Đình Mạnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc kiện “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/ QĐST- HNGĐ ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Trường L – Sinh năm: 1985.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Ngọc M– Sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Trường L trình bày:

Anh Phạm Trường L và chị Bùi Thị Ngọc M đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2012 tại UBND Thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau. Từ đó hai vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được hai

bên gia đình khuyên giải nhiều lần, nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được. Từ tháng 5 năm 2019 chúng tôi đã sống ly thân, từ khi ly thân chúng tôi không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, anh L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh L và chị M có 01 con chung là cháu Phạm Khánh L - sinh ngày 06/10/2012. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu L đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng anh L không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Mức thu nhập bình quân của anh L là 11.000.000 đồng/tháng. Hiện anh L đang là cán bộ Công an tỉnh Lào Cai.

Về tài sản chung: Anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Ngọc M trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn như anh L trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau. Từ đó hai vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần, nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được. Từ tháng 5 năm 2019 chúng tôi đã sống ly thân, từ khi ly thân chúng tôi không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh L đề nghị ly hôn chị M cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị và anh L có 01 con chung là cháu Phạm Khánh L - sinh ngày 06/10/2012. Từ khi sống ly thân cháu L vẫn đang ở với chị ở cùng với bà ngoại là bà Đinh Thị N (là mẹ đẻ chị M) tại huyện Bảo Yên. Khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh L đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hàng tháng chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Mức thu nhập bình quân của chị M là 8.000.000 đồng/tháng, chị M làm kế toán trưởng tại cửa hàng miễn thuế Lào Cai – Công ty TNHH Tổng hợp 559 và đến ngày 01/8/2019 chị M đã chuyển công tác về làm tại Công ty cổ phần xây lắp và vận tải Long Vũ. Địa chỉ số nhà 309, đường Khánh Yên, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Mức lương chính là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng)/ tháng.

Về tài sản chung: Chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Phạm Trường L, chị Bùi Thị Ngọc M giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Trường L.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Trường L và chị Bùi Thị Ngọc M.

Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh L - sinh ngày 06/10/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Hàng tháng anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Anh Phạm Trường L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với chị Bùi Thị Ngọc M. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết về nội dung khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Anh Phạm Trường L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc M và giao con cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh L, chị Bùi Thị Ngọc M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phạm Trường L và chị Bùi Thị Ngọc M đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2012 tại UBND thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau. Từ đó hai vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần, nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được. Từ tháng 5 năm 2019 anh chị đã sống ly thân, từ khi ly thân anh chị không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay cả anh L và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn cùng nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy cần chấp

nhận công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Trường L và chị Bùi Thị Ngọc Mai.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung cháu Phạm Khánh L - sinh ngày 06/10/2012. Khi ly hôn cả anh L và chị M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ly cho đến khi trưởng thành. Xét việc giao nuôi con thì thấy hiện nay cả anh L và chị M đều có thu nhập ổn định làm việc tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Hiện nay cháu L đang ở với chị M mở cùng với bà ngoại bà Đinh Thị N (là mẹ đẻ chị M) tại huyện Bảo Yên và đang học tại trường tiểu học số 1 phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Mặt khác tại bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Ly quan điểm của cháu đề nghị được sống cùng mẹ là chị Bùi Thị Ngọc M. Tuy nhiên xét nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ và độ tuổi của cháu còn nhỏ, cháu là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Việc giao cháu L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp hơn do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Khánh L cho chị Bùi Thị Ngọc M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Trường L và chị Bùi Thị Ngọc M đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Phạm Trường L và chị Bùi Thị Ngọc M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Phạm Trường L phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Trường L và chị Bùi Thị Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh L - Sinh ngày 06/10/2012 cho chị Bùi Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Phạm Trường L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Phạm Trường L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Trường L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/0006032 ngày 16/5/2019 của Chi

cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Anh Phạm Trường L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Kim Phụng